TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 621/2023/DS-PT
Ngày: 30/5/2023
V/v: "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Việt Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Ông Phạm Hồng Giảng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thế Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2023/TLPT – DS ngày 15 tháng 02 năm 2023, về việc: "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 3922/2022/DS-ST, ngày 30/9/2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1505/2023/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5271/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5812/2023/QĐ-PT, ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH S.

Trụ sở hoạt động chính: Đường T, Phường V, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Danh S hoặc bà Nguyễn Thị Thúy V. (Ông S có mặt, bà V vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Đường C, Phường B, Thành phố TĐ, Thành phố H. (Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 20/10/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Hiếu T – Văn phòng Luật sư N – Thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH N.

Trụ sở hoạt động chính: Đường N, Phường B, Thành phố TĐ, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn N. Địa chỉ liên lạc: Đường A, phường T, Quận Z, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 12/11/2021) (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Cổ phần X.

Trụ sở hoạt động chính: Đường V, phường K, Quận Z, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Đường L, Khu phố R, phường C, Thành phố TĐ, Thành phố H (Theo giấy ủy quyền số 01/UQ.GRC/2023, ngày 27/4/2023 của Công ty Cổ phần N). (Có đơn văng mặt)

- Người kháng cáo: Công ty TNHH S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2021, nguyên đơn - Công ty TNHH S trình bày:

Vào khoảng 21 giờ, ngày 25/6/2021, kho chứa hàng của Công ty TNHH S tại địa chỉ: Đường D, Khu công nghiệp S, Thành phố DA, tỉnh B đã xảy ra sự cố cháy lớn làm Công ty TNHH S thiệt hại nặng nề về tài sản, với hậu quả là toàn bộ hàng hóa trong kho đều bị cháy rụi. Tổng thiệt hại thực tế mà đám cháy này gây ra cho Công ty TNHH S *(Có kèm theo danh mục)* là 9.248.838.816 đồng. Nguyên nhân vụ cháy được xác định ban đầu là do chập mạch điện. Theo quy định pháp luật, hệ thống tải điện được xem là nguồn nguy hiểm cao độ và Chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra ngay cả không có lỗi.

Kho xảy ra sự cố cháy nổ ở địa chỉ: Đường M, Khu công nghiệp S, Thành phố DA, tỉnh B là do Công ty TNHH S thuê của Công ty TNHH N. Do vậy, Công ty TNHH N chính là chủ sở hữu, người chiếm hữu nguồn nguy hiểm cao độ này gây ra việc chập mạch điện, dẫn tới sự cố cháy nổ lớn. Vì thế, trách nhiệm đảm bảo sự an toàn, bảo trì hệ thống điện định kỳ, không để phát sinh những nguy hiểm có thể xảy ra đối với *"nguồn nguy hiểm cao độ"* phải thuộc về Công ty TNHH N. Tuy nhiên, Công ty TNHH N vẫn để xảy ra sự cố cháy nổ do *"nguồn nguy hiểm cao độ"* gây ra. Chính vì lý do trên, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, Công ty TNHH S đã yêu cầu Công ty TNHH N bồi thường những tổn thất mà Công ty TNHH S phải chịu nhưng Công ty TNHH N vẫn chưa có động thái nào để giải quyết dứt điểm hậu quả thiệt hại do sự cố cháy nổ xảy ra.

Nay Công ty TNHH S khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty TNHH N phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do *"nguồn nguy hiểm cao độ"* gây ra với tổng thiệt hại ước tính là 9.248.838.816 đồng.

Theo đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu ngày 21/4/2022, Công ty TNHH S yêu cầu: Buộc Công ty TNHH N phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do *"nguồn nguy hiểm cao độ"* gây ra với tổng thiệt hại hàng hóa và lợi nhuận do sự cố cháy là 11.402.962.233 đồng (bao gồm: Tổn thất thiệt hại hàng hóa là 6.796.360.412 đồng; Lợi nhuận từ lô hàng bị cháy là 4.606.601.821 đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xác định yêu cầu: giữ nguyên các yêu cầu như Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu đề ngày 21/4/2022. Ngoài ra, nguyên không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của bị đơn – Công ty TNHH N do đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn N, tại phiên tòa trình bày:

Công ty TNHH N không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Công TNHH S.

Bị đơn xác định quan hệ tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng cho thuê kho số 1508/HĐ/NTG-ST ngày 10/08/2016 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo.

Công ty N và Công ty S ký hợp đồng thuê kho số 1508/HĐ/NTG-ST, ngày 10/08/2016 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo. Công ty N đồng ý cho Công ty S thuê một phần diện tích kho thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của mình để Công ty S làm nơi chứa hàng hóa, tại địa điểm Đường F, Khu công nghiệp V, xã L, huyện B, Thành phố H, giá thuê 5.000.000/tháng, thời hạn thuê 01 năm, từ ngày 15/08/2016 đến hết ngày 14/08/2017. Tại Điều 4 của hợp đồng quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng là "Công ty N không chịu trách nhiệm về tổn thất hàng hóa khi có những trường hợp sau xảy ra như Chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, bão lụt và Công ty S phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm rủi ro cho hàng hóa của mình được gửi trong kho, kể cả rủi ro về hỏa hoạn, mưa bão, lũ lụt, thiên tai và các rủi ro khác có liên quan đến hàng hóa" và Điều 8 Điều khoản chung của hợp đồng ghi nhận "Công ty S đã cam đoan việc giao kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc" và hai bên đã xem kỹ, hiểu rõ các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng và đồng ý ký tên trong hợp đồng.

Khi hết thời gian thuê, ngày 15/8/2017 Công ty N và Công ty S tiếp tục gia hạn hợp đồng số 1508/HĐ/NTG-ST ngày 10/8/2016 bằng cách tiếp tục ký phụ lục số 01 với nội dung: Hai bên thống nhất gia hạn thời gian thuê từ ngày 15/8/2017 đến ngày 14/8/2020 và các điều kiện, điều khoản, nội dụng của hợp đồng số 1508/HĐ/NTG-ST ngày 10/8/2016 giữ nguyên không đổi, phụ lục hợp đồng số 01 là một phần không thể tách rời của hợp đồng số 1508/HĐ/NTG-ST ngày 10/8/2016 và có hiệu lực kể từ ngày ký, mỗi bên gữi 01 bản có giá trị ngang nhau.

Ngày 16/8/2020 Công ty N và Công ty S tiếp tục ký phụ lục số 02 để gia hạn thời gia thuê kho của Hợp đồng số 1508/HĐ/NTG-ST ngày 10/8/2016 cụ thể: thay đổi vị trí kho mới tại địa chỉ Đường M, Khu công nghiệp S, Thành phố DA, tỉnh B. Thời hạn thuê hai bên thống nhất gia hạn thời gian thuê từ ngày 14/8/2020 đến ngày 31/12/2021.

Tại thời điểm xảy ra vụ cháy kho tại địa chỉ Đường M, Khu công nghiệp S, Thành phố DA, tỉnh B, ngày 25/06/2021 thì Hợp đồng số 1508/HĐ/NTG-ST ngày 10/8/2016, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 15/8/2017 và Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 16/8/2020 đang còn hiệu lực. Tại Điều 4 của hợp đồng quy định: "*Công ty N không chịu trách nhiệm về tổn thất hàng hóa khi có những trường hợp sau xảy ra như Chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, bão lụt và Công ty Sunny tech phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm rủi ro cho hàng hóa của mình được gửi trong kho, kể cả rủi ro về hỏa hoạn, mưa bão, lũ lụt, thiên tai và các rủi ro khác có liên quan đến hàng hóa"* gửi tại kho địa chỉ Đường M, Khu công nghiệp S, Thành phố DA, tỉnh B.

Toàn bộ diện tích nhà kho và công trình phụ tại địa chỉ số Đường M, Khu công nghiệp S, Thành phố DA, tỉnh B là do Công ty TNHH N thuê lại của Công ty cổ phần X theo Hợp đồng thuê kho số 18/GRC-ST-2017 ngày 11/12/2017 và phụ kiện số 05 ngày 19/02/2019, thời hạn thuê đến hết ngày 31/12/2021.

Về trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy: Trong quá trình quản lý, sử dụng kho tại địa chỉ số Đường M, Khu công nghiệp S, Thành phố DA, tỉnh B, Công ty N đã vận hành, sử dụng, bảo trì, kiểm tra hệ thống truyền tải điện năng đúng theo qui định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy và được Phòng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ công an tỉnh Bình Dương xác nhận trong biên bản kiểm tra định kỳ ngày 02/02/2020 và ngày 19/5/2021, Công ty N có ban hành nội quy về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại khoản 3 Điều 5 luật PCCC, có bố trí lối thoát nạn tại nhà xưởng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, thành lập đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở theo quy định tại điều 31 Nghị Định 136/2020/NĐ-CP, có phương án chữa cháy theo quy định tại Điều 12 Thông tư 66/2014/TT-BCA, có sổ theo dõi phương tiện về phòng cháy, chữa cháy, sổ theo dõi công tác tuyên truyền, huấn luyện theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, điện trở nối đất của hệ thống chống sét đạt (theo phiếu kết quả kiểm tra số 021-1005/KTCS.KV2 ngày 10/5/2021 của Công ty Cổ phần huấn luyện và kiểm định an toàn KV2), có hệ thống chữa cháy tự động cho khu vực nhà xưởng, đồng hồ đo áp suất đảm bảo theo quy định và hệ thống dây dẫn điện, thiết bị tiêu thụ điện đảm bảo, không có dấu hiệu chạm chập. Công ty N đã ký hợp đồng bảo trì điện với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ điện Tiên Phong để hàng tháng bảo dưỡng, bão trì, sửa chữa các trạm biến áp 650KVA và 750KVA, hệ thống điện và toàn bộ hệ thống dây điện hàng tháng tại địa chỉ: Đường M, Khu công nghiệp S, Thành phố DA, tỉnh B (Hợp đồng bảo trì điện ngày 30/12/2020) và mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 (giấy chứng nhận bảo hiểm cháy nổ bắt buộc ngày 11/05/2021). Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố gì đối với nguyên đơn cũng như không có yêu cầu gì đối với Công ty cổ phần X trong vụ án này.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần *X vắng mặt tại phiên tòa và có văn bản nộp cho Tòa án trình bày:* Căn cứ hợp đồng thuê kho số 18/GRC-ST-2017 ký kết ngày 11/12/2017 giữa Công ty cổ phần X với Công ty N. Theo đó Công ty cổ phần X cho Công ty N thuê toàn bộ nhà kho và công trình phụ tại địa chỉ: Đường M, Khu công nghiệp S, Thành phố DA, tỉnh B. Công ty N phải chịu toàn bộ trách nhiệm

trước cơ quan pháp luật về tính pháp lý cho khách hàng thuê kho và cả những trường hợp hậu quả phát sinh.

Công ty cổ phần X được miễn trừ trách nhiệm đối với tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng giữa Công ty S đối với Công ty N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 3922/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH S.

Không buộc Công ty TNHH N thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho Công ty S, gồm các khoản: Tổn thất thiệt hại hàng hóa trị giá là 6.796.360.412 đồng; Lợi nhuận bị mất từ lô hàng bị cháy là 4.606.601.821 đồng. Tổng cọng số tiền là 11.402.962.233 đ (Mười một tỷ, bốn trăm lẻ hai triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 10 năm 2022. Công ty TNHH S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 3922/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo đồng thời là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Lý do kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu bồi thường do "nguồn nguy hiểm cao độ" tuy nhiên bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là chưa chính xác, mặc dù trong vụ án này bị đơn không có lỗi nhưng do bị đơn quản lý không đảm bảo nên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, chưa làm rõ bản chất về nội dung vụ án, ngoài ra án sơ thẩm còn vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không đưa những người có liên quan đến nội dung vụ án vào tham gia tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án để trả về Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại nhằm xem xét toàn diện nội dung bản chất của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH S làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn đề nghị đưa một số người vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, yêu cầu của nguyên đơn không có có sở nên không được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Công ty TNHH S về việc yêu cầu Công ty TNHH N phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do *"nguồn nguy hiểm cao độ"* gây ra với tổng thiệt hại là 11.402.962.233 đ (Mười một tỷ, bốn trăm lẻ hai triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng). Trong đó tiền tổn thất thiệt hại hàng hóa trị giá là 6.796.360.412 đồng; Lợi nhuận bị mất từ lô hàng bị cháy là 4.606.601.821 đồng.

Công ty TNHH S cho rằng: Công ty TNHH N chính là chủ sở hữu, người chiếm hữu nguồn nguy hiểm cao độ. Tuy nhiên Công ty TNHH N đã không đảm bảo sự an toàn dẫn tới việc chập mạch điện và gây ra sự cố cháy nổ lớn làm thiệt hại về tài sản của Công ty TNHH S. Do đó Công ty TNHH N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH S.

Xét thấy: Công ty TNHH N và Công ty TNHH S có ký kết hợp đồng số 1508/HĐ/NTG-ST, ngày 10/8/2016 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Hai bên thống nhất gia hạn hợp đồng từ ngày 14/8/2020 đến ngày 31/12/2021. Địa chỉ hai bên thỏa thuận về việc thay đổi vị trí thuê kho mới tại: Đường M, Khu công nghiệp S, Thành phố DA, tỉnh B, đây cũng là vị trí xảy ra hỏa hoạn mà nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại.

Xét, theo Điều 4 của hợp đồng được ký kết giữa hai bên quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó Công ty TNHH N không chịu trách nhiệm về tổn thất hàng hóa khi có những trường hợp xảy ra như: Chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, bão lụt và Công ty TNHH S phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm rủi ro cho hàng hóa của mình được gửi trong kho, kể cả rủi ro về hỏa hoạn, mưa bão, lũ lụt, thiên tai và các rủi ro khác có liên quan đến hàng hóa.

Bên cạnh đó, theo biên bản khám nghiệm hiện trường và kết luận giám định số 26/KLGĐ-PC09 ngày 12/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận về nguyên nhân cháy nổ ngày 25/6/2021 do sự cố nghẽn mạch trên dây dẫn điện làm phát sinh tia lửa và các hạt đồng nóng chảy mang nhiệt độ cao (>1500^{O}C) bắn ra xung quanh và rơi vào hàng hóa bên trong kho làm bùng phát ngọn lửa, sau đó phát triển thành đám cháy lớn.

Như vậy nguyên nhân cháy nổ được được xác định là do sự kiện bất khả kháng xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được được quy định tại

khoản 1 Điều 156 và khoản 2 Điều 584 Bộ luật dân sự 2015. Do đó Công ty TNHH N không phải chịu trách nhiệm bồi 6 tỷ 8.

Bên cạnh đó, trong quá trình quản lý, sử dụng kho cho thuê thì Công ty TNHH N đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy đã được Công an tỉnh Bình Dương xác nhận theo biên bản kiểm tra định kỳ vào các ngày 02/02/2020 và ngày 19/5/2021.

Từ những phân tích và nhận định trên. Yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH S về việc yêu cầu Công ty TNHH N phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do *"nguồn nguy hiểm cao độ"* gây ra với tổng thiệt hại là 11.402.962.233 đ (Mười một tỷ, bốn trăm lẻ hai triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng). Trong đó tiền tổn thất thiệt hại hàng hóa trị giá là 6.796.360.412 đồng; Lợi nhuận bị mất từ lô hàng bị cháy là 4.606.601.821 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Chấp nhận đề nghị của đại diện VKSND Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Do yêu cầu của Công ty TNHH S không được chấp nhận nên Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 119.402.962 đ (Một trăm mười chín triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, chín trăm sáu mươi hai đồng). Được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 58.624.420đ (Năm mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, bốn trăm hai mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0024388 ngày 05/11/2021 và 1.077.000 đ (Một triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0026727 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Công ty TNHH S phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 59.701.542đ (Năm mươi chín triệu, bảy trăm lẻ một nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.2] Về chi phí tố tụng: Công ty Công ty TNHH S phải chịu 3.500.000 đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Công ty Công ty TNHH S đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0006582 ngày 31 tháng 10 năm 2022. Công ty TNHH S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Công ty Công ty TNHH S về việc yêu cầu Công ty TNHH N phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do *"nguồn nguy hiểm cao độ"* gây ra với tổng thiệt hại là 11.402.962.233 đ (Mười một tỷ, bốn trăm lẻ hai triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng). Trong đó tiền tổn thất thiệt hại hàng hóa trị giá là 6.796.360.412 đồng; Lợi nhuận bị mất từ lô hàng bị cháy là 4.606.601.821 đồng.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 119.402.962 đ (Một trăm mười chín triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, chín trăm sáu mươi hai đồng). Được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 58.624.420đ (Năm mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, bốn trăm hai mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0024388 ngày 05/11/2021 và 1.077.000 đ (Một triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0026727 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Công ty TNHH S phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 59.701.542đ (Năm mươi chín triệu, bảy trăm lẻ một nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.] Về chi phí tố tụng: Công ty Công ty TNHH S phải chịu 3.500.000 đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Công ty Công ty TNHH S đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0006582 ngày 31 tháng 10 năm 2022. Công ty TNHH S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trương Việt Hồng